

Quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế

The right to access justice of people with disabilities in Vietnam in the context of globalization and international integration

Trần Mộng Bình

Học viện Hành chính Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,
E-mail: binhmt@upes.edu.vn.

Tóm tắt: Quyền tiếp cận công lý là quyền đặc biệt quan trọng của con người được quy định trong Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền [1]. Tuy nhiên, quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật vẫn còn tồn tại một số hạn chế và bất cập nhất định. Với những khiếm khuyết trên cơ thể và sự mặc cảm về những khiếm khuyết của mình mà người khuyết tật dễ dàng cảm thấy bị cô lập trong xã hội và khó tìm kiếm sự công bằng trong việc tiếp cận công lý. Trong bài viết này tác giả luận bàn về quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật, thực trạng áp dụng pháp luật và đưa ra một số giải pháp giúp đảm bảo tốt hơn quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế thông qua các công cụ pháp lý như hệ thống pháp luật dành cho người khuyết tật, hệ thống tư pháp; công nghệ hiện đại; sự chủ động của người khuyết tật và khuyến khích cộng đồng người khuyết tật khác áp dụng quyền tiếp cận công lý của mình.

Từ khóa: quyền tiếp cận công lý; người khuyết tật; hệ thống tư pháp; toàn cầu hoá.

Abstract: Access to justice is a fundamental human right enshrined in the Universal Declaration of Human Rights [1]. However, the right to access justice for people with disabilities still has certain limitations and inadequacies. With physical disabilities and the inferiority of people with disabilities, it is easy for people with disabilities to feel isolated in society and to find it arduous to access justice fairly. In this article, the author discusses the right to access justice for people with disabilities, the reality of applying the law and proposes several solutions to ensure better the right to access justice for people with disabilities in Vietnam in the context of globalization and international integration through legal tools such as the legal system for people with disabilities, the justice system; modern technology; initiative of people with disabilities and encourage other communities of people with disabilities to apply their right to access to justice.

Keywords: the right to access justice; people with disabilities; judicial system; globalization.

Trong một thời đại thượng tôn pháp luật, mọi người được pháp luật bảo vệ bình đẳng các quyền con người, quyền công dân theo hệ thống pháp luật của quốc gia và pháp luật quốc tế, đồng thời có quyền tiếp cận công lý khi các quyền ấy bị xâm phạm bởi các cá nhân, tổ chức khác để tìm kiếm sự công bằng và lẽ phải. Tuy nhiên, có thể thấy việc đảm

bảo người khuyết tật với từng loại và mức độ khuyết tật về thể chất và tinh thần tham gia đầy đủ vào tất cả các quyền của mình là một thách thức to lớn đối với mỗi quốc gia. Theo Báo cáo điều tra quốc gia về người khuyết tật Việt Nam năm 2016 của Tổng cục Thống kê với sự hỗ trợ của UNICEF, tính đến cuối năm 2016 - đầu năm 2017, cả nước có

hơn 6.199.048 người khuyết tật thực tế thường trú trong các hộ gia đình [2]. Người khuyết tật với những khiếm khuyết và suy giảm về mặt thể chất và tinh thần được pháp luật Việt Nam bảo vệ quyền tiếp cận công lý với cơ chế đặc biệt hơn. Quyền tiếp cận công lý giúp người khuyết tật được hoà nhập với xã hội một cách đầy đủ và được thể hiện rõ nét nhất qua các quy định liên quan đến hoạt động tư pháp do đây là hoạt động trực tiếp bảo vệ công lý thông qua quá trình xét xử. Trong bài viết này tác giả tập trung luận giải về quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật được pháp luật Việt Nam bảo vệ trong lĩnh vực tư pháp trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

1. Quan niệm chung về quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật

Luật Người khuyết tật năm 2010 định nghĩa “Người khuyết tật” là: “*Người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn*”. Công ước về Quyền của người khuyết tật quy định: “*Người khuyết tật bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác*” [3].

Theo Từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ “công lý” được định nghĩa là: “*Cái lẽ phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội*” [4, tr.208]. Mặc dù hiện nay chưa có một định nghĩa chung nhất về công lý nhưng có thể rút ra “*những thuộc tính cơ bản nhất của khái niệm công lý, đó là công bằng, đạo đức, pháp luật*” [5].

Quyền tiếp cận công lý là một quyền có nền tảng dựa trên các quy định về

quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền được yêu cầu Toà án bảo vệ quyền lợi hợp pháp và được Toà án xét xử công bằng trong các văn bản pháp luật quốc tế như Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền [6], Công ước về các Quyền dân sự và chính trị [7] và công ước dành riêng cho những đối tượng cụ thể yếu thế trong xã hội có nguy cơ cao bị vi phạm về quyền như Công ước về Quyền của người khuyết tật [8].

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra khái niệm “*Quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật*” là quyền được pháp luật bảo vệ và được hưởng lợi ích từ pháp luật một cách bình đẳng thông qua hệ thống các quy phạm pháp luật và được xét xử công bằng thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

Quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật có những đặc điểm như sau:

Thứ nhất, quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật được biểu hiện thông qua các quy định về quyền bình đẳng trước pháp luật và quyền được xét xử công bằng của người khuyết tật trong các văn bản pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật phát sinh khi quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật bị xâm phạm bao gồm các quyền con người và quyền công dân được pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế bảo vệ.

Thứ ba, quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật là một quyền nhằm tìm kiếm sự công bằng và lẽ phải mà không chỉ hướng đến tính hợp pháp của sự việc được biểu hiện rõ nhất thông qua hoạt động xét xử của Toà án.

Thứ tư, quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật gắn liền với một chủ thể có những đặc điểm đặc biệt về thể trạng đó là những người khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật gây khó khăn cho việc sinh hoạt, lao động, học tập.

2. Nội dung về quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật

Hiện nay, có rất nhiều cách tiếp cận và giải thích khác nhau về quyền tiếp cận công lý. Mặc dù vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về quyền tiếp cận công lý nói chung và quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật nói riêng nhưng nội dung của quyền tiếp cận công lý được biểu hiện qua các quy định về quyền bình đẳng trước pháp luật của người khuyết tật và quyền được tiếp cận hệ thống tư pháp của người khuyết tật trong các văn bản pháp luật Việt Nam khi các quyền con người, quyền công dân của họ bị xâm phạm.

2.1. Quyền bình đẳng trước pháp luật của người khuyết tật

Quyền bình đẳng trước pháp luật được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, theo đó mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Người khuyết tật có năng lực pháp luật như tất cả mọi người, và do đó được bình đẳng trong việc tiếp cận công lý mà không bị phân biệt đối xử vì lý do khuyết tật [9]. Các yếu tố làm hạn chế năng lực hành vi của một người như mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, hạn chế năng lực hành vi dân sự phải do cơ quan có thẩm quyền là Toà án ra quyết định tuyên bố theo quy định của Bộ luật Dân sự. Người khuyết tật được Hiến pháp và pháp luật bảo đảm các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Theo quy định của Luật Người khuyết tật năm

2010, người khuyết tật được bảo vệ khỏi các hành vi phân biệt đối xử như hành vi xa lánh, từ chối, ngược đãi, phỉ báng, có thành kiến hoặc hạn chế quyền của người khuyết tật vì lý do khuyết tật hoặc các hành vi kỳ thị người khuyết tật như thái độ khinh thường hoặc thiếu tôn trọng người khuyết tật. Điều này thể hiện sự tuân thủ pháp luật quốc tế của Việt Nam, theo Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền: “*Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ bình đẳng không kỳ thị. Mọi người đều được bảo vệ chống lại mọi kỳ thị hay xúi giục kỳ thị trái với Tuyên Ngôn này*”. Công ước về Quyền của người khuyết tật có quy định về bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ, quyền được hưởng lợi ích của pháp luật một cách bình đẳng, không có sự phân biệt nào, đồng thời quy định: “*Quốc gia thành viên cấm phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật và bảo đảm cho người khuyết tật sự bảo vệ pháp lý hữu hiệu và bình đẳng chống lại sự phân biệt đối xử trên bất kỳ cơ sở nào*” [10]. Đặc biệt đối với phụ nữ khuyết tật và trẻ em khuyết tật là những đối tượng được công nhận rằng dễ bị phân biệt đối xử nặng nề hơn, do đó đây là nhóm đối tượng được pháp luật quốc tế bảo vệ đặc biệt, theo quy định của Công ước, các quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp bảo đảm cho họ được hưởng trọn vẹn và bình đẳng các quyền và tự do cơ bản của con người [11].

2.2. Quyền tiếp cận hệ thống tư pháp của người khuyết tật

Nhóm quyền này được pháp luật quy định cụ thể, bao gồm: (i) Quyền được tiếp cận bộ máy các cơ quan tư pháp; (ii) Quyền được tạo các điều kiện thuận lợi trong quá trình tố tụng; (iii) Quyền được trợ giúp pháp lý; (iv) Quyền được xét xử công khai và công bằng; (v) Quyền tham gia vào việc thực thi công lý. Điều này

phù hợp với quy định tại Điều 13 Công ước về Quyền của người khuyết tật quy định về việc tiếp cận hệ thống tư pháp, theo đó: *“Các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho người khuyết tật được tiếp cận hệ thống tư pháp một cách hữu hiệu, trên cơ sở bình đẳng với những người khác...”* và quyền được Tòa án xét xử công bằng được quy định trong Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền: *“Ai cũng có quyền, trên căn bản hoàn toàn bình đẳng, được một toà án độc lập và vô tư xét xử một cách công khai và công bằng để phán xử về những quyền lợi và nghĩa vụ của mình, hay về những tội trạng hình sự mà mình bị cáo buộc”* và những văn bản quốc tế khác có liên quan. Các quyền tiếp cận hệ thống tư pháp này của người khuyết tật được quy định cụ thể như sau:

(i) *Quyền được tiếp cận bộ máy các cơ quan tư pháp:* Quyền được tiếp cận bộ máy các cơ quan tư pháp như Tòa án; Viện kiểm sát; Cơ quan điều tra; Cơ quan thi hành án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động và kể cả tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án trong đó Tòa án giữ vai trò trung tâm là hoạt động xét xử của Tòa án, căn cứ theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 trên cơ sở bình đẳng với những người khác được thể hiện tại Điều 30 Hiến pháp năm 2013: *“Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân”*. Ngoài ra, còn được quy định trong các Bộ luật, Luật chuyên ngành như Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành án dân sự, v.v. Theo đó, người khuyết tật khi có căn cứ cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của

mình bị xâm hại có quyền yêu cầu các cơ quan tư pháp giải quyết để đòi lại công bằng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

(ii) *Quyền được tạo các điều kiện thuận lợi trong quá trình tố tụng:* Là việc người khuyết tật được tạo các điều kiện thuận lợi do đặc điểm khuyết tật của mình và được bố trí phù hợp với độ tuổi khi tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trong tất cả các giai đoạn tố tụng. Quyền được tạo các điều kiện thuận lợi trong quá trình tố tụng được thể hiện qua các quy định về tiếng nói, chữ viết dùng trong quá trình tố tụng như theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nếu người tham gia tố tụng dân sự là người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn có quyền dùng ngôn ngữ ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật; trường hợp này phải có người biết ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật để dịch lại. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng có quy định về việc phiên dịch tại phiên tòa. Điều 263 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định trong trường hợp bị cáo, bị hại, đương sự, người làm chứng không biết tiếng Việt, là người câm, người điếc thì người phiên dịch phải dịch cho họ nghe, hiểu lời trình bày, các câu hỏi, câu trả lời tại phiên tòa, nội dung quyết định của Hội đồng xét xử và các vấn đề khác có liên quan đến họ. Điều này giúp đảm bảo ý chí của người khuyết tật được thể hiện chính xác và chân thực nhất, việc đi đến sự thấu hiểu giữa các bên trong quá trình tố tụng là vô cùng quan trọng giúp việc xét xử được diễn ra một cách khách quan, công bằng và minh bạch. Ngoài ra, vấn đề ngôn ngữ ký hiệu của người khiếm thính được nhấn mạnh tại khoản 4 Điều 30 Công ước về Quyền của người khuyết tật như sau: *“Người khuyết tật có quyền được công nhận và ủng hộ bản sắc ngôn*

ngữ và văn hóa riêng biệt của mình, trong đó có ngôn ngữ ký hiệu dành cho người khiếm tính”.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các văn bản về tố tụng như thông báo, giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời trong tố tụng, bản án, quyết định của Tòa án, quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát; các văn bản của cơ quan thi hành án và các văn bản tố tụng khác mà pháp luật có quy định phải được cấp, tổng đạt, thông báo đến người khuyết tật tham gia tố tụng dân sự bằng các phương thức [12]. Bộ luật Tố tụng hình sự quy định việc giao, gửi quyết định của Tòa án cho bị cáo hoặc người đại diện của họ; gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự theo thời gian luật định để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình [13]. Các quy định này giúp đảm bảo quyền tiếp cận thông báo và thông tin pháp lý một cách kịp thời trong quá trình tố tụng cho tất cả mọi người và không loại trừ đối với người khuyết tật.

(iii) *Quyền được trợ giúp pháp lý:* Quyền được trợ giúp pháp lý giúp người khuyết tật có cơ hội tiếp cận công lý, đòi lại công bằng và tin tưởng hơn vào hoạt động xét xử của Tòa án. Thuật ngữ "Trợ giúp pháp lý" được định nghĩa trong Các Nguyên tắc và hướng dẫn của Liên hợp quốc như sau: *“Trợ giúp pháp lý bao gồm tư vấn pháp lý, hỗ trợ và đại diện cho người bị tạm giam, bị bắt hoặc bị tù giam, bị tình nghi hay bị cáo buộc, hoặc bị buộc tội phạm tội hình sự và cho các nạn nhân và nhân chứng trong quá trình tố tụng hình sự, được cung cấp miễn phí cho những người không có đủ điều kiện hoặc khi lợi ích của công lý đòi hỏi như vậy. Hơn nữa, “trợ giúp pháp lý” cũng có chủ đích bao hàm các khái niệm về giáo dục pháp luật, tiếp cận thông tin pháp lý và các dịch vụ khác được cung cấp cho các đối tượng thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp và quá trình*

tư pháp phục hồi [15]. Người thực hiện trợ giúp pháp lý sẽ thực hiện các công việc trợ giúp pháp lý như tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng cho các đối tượng yếu thế trong xã hội và người khuyết tật là một trong những đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật [16]. Trong đó, việc tham gia tố tụng là hoạt động quan trọng nhất nhằm bảo chữa và bảo vệ quyền lợi trực tiếp cho người khuyết tật là các nguyên đơn, bị đơn dân sự; bị can, bị cáo trong các vụ án dân sự, hình sự, hành chính. Người thực hiện trợ giúp pháp lý với vai trò là người bào chữa cho người khuyết tật giúp cho việc xét xử được khách quan và công bằng hơn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người khuyết tật, hạn chế việc kháng cáo, kháng nghị hoặc án oan sai. Người khuyết tật cần được đảm bảo được tiếp cận sớm quyền trợ giúp pháp lý của mình ngay từ những giai đoạn đầu của quá trình tố tụng mà đặc biệt là những vụ án hình sự vì *“các giai đoạn đầu của quá trình tố tụng hình sự - những giờ đầu hoặc ngày đầu bị cảnh sát tạm giữ, tạm giam - là cực kỳ quan trọng đối với những người bị bắt giữ hoặc bị tạm giam liên quan tới một hành vi phạm tội hình sự. Các quyết định và hành động, được thực hiện hoặc không được thực hiện, sẽ quyết định việc họ có khả năng bào chữa cho bản thân một cách hiệu quả hay không, thời gian bị tạm giam là bao lâu, liệu họ có được và khi nào được xuất hiện trước tòa, liệu các quyết định phù hợp có được đưa ra về việc truy tố hoặc chuyển hướng không xử lý thông qua hệ thống tư pháp hình sự và cuối cùng là, liệu họ có nhận được một phiên xử công bằng hay không”* [17].

(iv) *Quyền được xét xử công khai và công bằng:* Quyền được xét xử công khai và công bằng được quy định cụ thể trong Hiến pháp năm 2013, theo đó

người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai, trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai [18]. Bộ luật Tố tụng dân sự quy định các đương sự được quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý và Tòa án phải xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng, công khai [19], điều này tương tự trong các Bộ luật chuyên ngành khác. Các quy định trên đáp ứng quyền được xét xử công khai, công bằng trong các quy định của văn bản pháp luật quốc tế như Điều 10 Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền, Điều 13 Công ước về Quyền của người khuyết tật, v.v. *“Hoạt động xét xử là hoạt động trực tiếp bảo vệ công lý. Tòa án không chỉ phán xét tính hợp pháp mà còn cả tính đúng đắn của hành vi. Vì vậy, ngoài căn cứ của pháp luật, tòa án còn căn cứ vào công lý”* [20], do đó việc xét xử của Tòa án cần phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng và đúng pháp luật giúp người dân nói chung và người khuyết tật nói riêng được bảo đảm quyền tiếp cận công lý của mình.

(v) *Quyền tham gia vào việc thực thi công lý: Người khuyết tật trên toàn thế giới rõ ràng gặp khó khăn trong thị trường việc làm. Theo trang United Nations Enable, trang web chính thức của Ban Thư ký Công ước về Quyền của Người khuyết tật, ở các nước đang phát triển có 80 đến 90% người khuyết tật trong độ tuổi lao động thất nghiệp và ở các nước công nghiệp hóa thì tỷ lệ này là từ 50% đến 70% [21]. Do đó, quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật còn được thể hiện qua quyền được tham gia thực thi công lý một cách bình đẳng với những người khác với vai trò là thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, trợ*

giúp viên pháp lý mà không có bất kỳ một hình thức phân biệt đối xử nào vì lý do khuyết tật. Người khuyết tật hoàn toàn có thể đảm nhận các vị trí việc làm này khi đáp ứng các điều kiện về tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật [22]. Họ có thể thực hiện các công việc trên khi đáp ứng các tiêu chuẩn luật định và có sức khỏe bảo đảm thực hiện công việc.

(vi) *Ngoài ra, pháp luật còn quy định về các biện pháp chế tài đối với các trường hợp xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật: Nghị định số 144/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em quy định mức phạt hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm quy định về hành vi bị nghiêm cấm đối với người khuyết tật; về trách nhiệm chăm sóc sức khỏe của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với người khuyết tật; về trách nhiệm giáo dục của cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật; về trách nhiệm dạy nghề của cơ sở dạy nghề đối với người khuyết tật; v.v. Ngoài ra, các chủ thể có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi có dấu hiệu tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các quy định này giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật, hạn chế các hành vi vi phạm từ các cá nhân, tổ chức.*

3. Những rủi ro pháp lý trong việc thực hiện quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật hiện nay

Một số rào cản khiến người khuyết tật gặp khó khăn trong việc tiếp cận công lý của mình được phát hiện thông qua những bất cập trong các quy định của pháp luật về các quyền như sau:

3.1. Đối với quyền được tiếp cận bộ máy các cơ quan tư pháp

Thứ nhất, hệ thống Tòa án hiện nay vẫn chưa đảm bảo sự tiếp cận dễ dàng và tiện lợi đối với người khuyết tật. Các phòng xử án được bố trí ở tầng cao gây khó khăn cho việc di chuyển của người khuyết tật phải ngồi xe lăn và khuyết tật nhìn. Người khuyết tật phải di chuyển rất nhiều bậc thang để vào phòng xử án và nhiều Tòa án không có lối đi dành cho người khuyết tật nhìn hoặc ngồi xe lăn.

Thứ hai, hệ thống các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, phòng giam, lối vào, thang máy, căn tin, v.v tại các Tòa án, cơ sở cảnh sát, nhà tù, cơ sở giam giữ, cơ quan hành chính và những cơ quan khác chưa được thiết kế phù hợp dành riêng cho người khuyết.

Thứ ba, hiện nay vẫn chưa có các hình thức hỗ trợ di chuyển dành riêng cho người khuyết tật, do đó việc người khuyết tật tự mình di chuyển đến Tòa án và các cơ quan nhà nước gặp nhiều khó khăn khiến việc tiếp cận công lý của người khuyết tật gặp nhiều hạn chế.

Thứ tư, Luật Người khuyết tật và các văn bản pháp luật có liên quan đã bộc lộ sự lạc hậu và không bắt kịp với những tiến bộ công nghệ. Ví dụ, đứng từ góc độ sự phát triển của khoa học - công nghệ cho thấy, người khuyết tật nhìn hoặc khuyết tật các chi như tay, chân sẽ không thể hoặc gặp khó khăn trong việc lấy số thứ tự tự động hoặc sử dụng các công cụ tra cứu tại các cơ quan nhà nước.

3.2. Đối với quyền được tạo các điều kiện thuận lợi trong quá trình tố tụng của người khuyết tật

Thứ nhất, trên thực tế mặc dù luật đã có các quy định về vấn đề phiên dịch và ngôn ngữ dành cho người khuyết tật nhưng hiện nay luật chưa có quy định cụ thể về tiêu chí đối với vấn đề phiên dịch; chưa có trường, lớp đào tạo chính quy;

mã ngành, mã nghề và chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp bằng. Điều này gây ra một số khó khăn khi người phiên dịch tham gia vào quá trình tố tụng.

Thứ hai, thực tế ngôn ngữ ký hiệu có thể khác nhau giữa các vùng, nếu người khiếm thính tham dự phiên tòa ở tỉnh khác họ sẽ phải sử dụng phiên dịch ngôn ngữ, ký hiệu ở địa phương diễn ra phiên tòa gây ra những khó khăn nhất định trong việc giao tiếp của người khuyết tật trong suốt quá trình tố tụng. Việt Nam có trên 2,83% trẻ em khuyết tật trong độ tuổi 2 – 17, trong đó trẻ em khiếm thính chiếm tỉ lệ 0,22% trên tổng dân số, tương đương khoảng 211,000 trẻ em [23], điều này cho thấy nhu cầu về việc sử dụng ngôn ngữ ký hiệu trong giáo dục trẻ khiếm thính là rất lớn. Để giải quyết vấn đề này, hiện nay mặc dù đã có Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020, tuy nhiên vì đây là quy định mới do đó cần có thời gian triển khai triển thực tế để việc áp dụng ngôn ngữ ký hiệu được thống nhất trong cộng đồng người khuyết tật nghe, nói tại Việt Nam. Qua đó cho thấy, những người tiến hành tố tụng mà đặc biệt là các Thẩm phán, Thư ký, Kiểm sát viên không chỉ phải trang bị kiến thức về luật pháp và quy định có liên quan đầy đủ và toàn diện mà còn phải có khả năng giao tiếp, trao đổi hiệu quả ở cấp độ cá nhân với người khuyết tật.

Thứ ba, việc người khuyết tật tiếp cận thông tin trong các văn bản tố tụng còn gặp nhiều khó khăn. Luật chưa có quy định cụ thể về hình thức thông báo đảm bảo cho người khuyết tật có thể tiếp cận thông tin. Ví dụ như hình thức ngôn ngữ ký hiệu dành cho người khuyết tật nghe, văn bản bằng hình thức chữ nổi dành cho người khuyết tật nhìn hay hệ

thông công nghệ thông tin dành cho người khuyết tật để dàng tiếp cận thông tin trong thời đại công nghiệp 4.0. Hiện nay, hầu như mọi thông tin chuyển động trong tất cả các lĩnh vực cuộc sống đều thông qua hình thức trực tuyến, người khuyết tật không có khả năng truy cập vào các trang web và thực hiện các yêu cầu thì dường như họ không thể hoà nhập vào xã hội hiện đại và đây là một rào cản mới mà công nghiệp 4.0 đã mang lại cho người khuyết tật. Mặc dù vậy, hiện nay vẫn chưa có quy định về việc hỗ trợ cho người khuyết tật cần hỗ trợ để hiểu thông báo và thông tin như thông dịch viên, hướng dẫn viên và các hình thức hỗ trợ khác.

Thứ tư, đối tượng là người khuyết tật cần được tạo một môi trường thuận lợi, thân thiện hơn so với những người không khuyết tật trong các phiên toà. Với số lượng người khuyết tật và nhu cầu lớn hơn trong tương lai, việc hình thành một phiên toà đặc thù dành riêng cho người khuyết tật cần được cân nhắc. Tuy nhiên, với mô hình Toà án hiện nay đặc biệt là chủ trương cắt giảm biên chế, tinh gọn bộ máy nhà nước thì trong thời gian tới pháp luật cần quy định trong số những Hội thẩm nhân dân tham gia phiên toà sẽ có một Hội thẩm nhân dân là người có am hiểu sâu sắc về dạng khuyết tật của đương sự hoặc người có khuyết tật tương tự để tăng tính tương tác với người khuyết tật trong suốt quá trình xét xử.

3.3. Đối với quyền được trợ giúp pháp lý của người khuyết tật

Thứ nhất, Luật Trợ giúp pháp lý quy định chỉ người khuyết tật có khó khăn về tài chính mới được trợ giúp pháp lý miễn phí. Điều này vi phạm nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử dành cho người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật và Công ước về Quyền của người khuyết tật.

Thứ hai, căn cứ theo Điều 4 Luật Người khuyết tật năm 2010 quy định người khuyết tật có quyền được trợ giúp pháp lý phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật của họ nhưng Luật Trợ giúp pháp lý chưa phân biệt các cơ chế trợ giúp pháp lý cho từng mức độ khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.

Thứ ba, trên thực tế vẫn còn nhiều người khuyết tật chưa được tiếp cận với hoạt động trợ giúp pháp lý, xuất phát từ nguyên nhân người khuyết tật chưa nắm rõ các quy định về quyền được hưởng trợ giúp pháp lý của mình hoặc do ở quá xa các trung tâm trợ giúp pháp lý nên khó tiếp cận với dịch vụ này.

3.4. Quyền được tham gia vào việc thực thi công lý một cách bình đẳng của người khuyết tật

Thứ nhất, hiện nay luật chưa có các quy định hỗ trợ phù hợp trong các kỳ thi tuyển nhân sự như hệ thống phòng thi, đề thi và cách thức thi tuyển dành cho đối tượng là người khuyết tật. Điều này gây ra một số bất lợi cho người khuyết tật trong việc được tham gia dự tuyển bình đẳng và công bằng vào các ngành nghề và các vị trí việc làm trong hệ thống tư pháp.

Thứ hai, không loại trừ việc khi người khuyết tật được tuyển dụng chính thức thì họ có nhiều khả năng phải chấp nhận mức thu nhập thấp hơn đáng kể so với nhân viên không khuyết tật và họ ít có cơ hội đàm phán bình đẳng về lương và các phúc lợi khác tại nơi làm việc.

3.5. Đối với các quy định về các biện pháp chế tài đối với các trường hợp xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật

Thứ nhất, hiện nay nội dung bảo vệ quyền của người khuyết tật và các chế tài áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quyền con người, quyền công dân

của người khuyết tật chưa được quy định trong Luật mà chỉ được quy định trong Nghị định trong một số lĩnh vực cụ thể như giáo dục, việc làm, y tế... trong khi đó đây là vấn đề quan trọng cần được quy định cụ thể trong luật để đảm bảo tính bắt buộc thực hiện và tính đầy đủ, đồng bộ của các văn bản quy phạm pháp luật về người khuyết tật.

Thứ hai, cần nhận thức rằng hành vi phân biệt đối xử có thể diễn ra trực tiếp hoặc gián tiếp. Phân biệt đối xử trực tiếp đối với người khuyết tật có thể dễ dàng nhận biết hơn. Tuy nhiên, “Phân biệt đối xử gián tiếp là những tình huống, biện pháp hoặc thực hành có vẻ trung lập nhưng thực tế lại tác động tiêu cực đến những người thuộc một nhóm nhất định. Về bản chất phân biệt đối xử gián tiếp rất khó nhận biết do tính chất ẩn giấu của nó, vì thế giải quyết loại này là nhiệm vụ khó khăn nhất” [24]. Ví dụ, các công ty tuyển dụng có yêu cầu “Giấy khám sức khỏe” đối với ứng viên, đây là yêu cầu chung trong tuyển dụng nhưng công ty sẽ ngầm loại bỏ những ứng viên khuyết tật dù đó là những công việc mà họ có thể đảm nhận. Hiện nay, chưa có quy định về chế tài đối với hành vi phân biệt đối xử gián tiếp, gây khó khăn cho người khuyết tật trong việc tiếp cận công lý.

4. Một số kiến nghị bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay:

- Cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật Người khuyết tật năm 2010, bổ sung các quy định cụ thể về bảo đảm quyền của người khuyết tật và các biện pháp chế tài kèm theo khi có hành vi vi

phạm trực tiếp hay gián tiếp quyền lợi hợp pháp của người khuyết tật từ phía các cá nhân, tổ chức như xử phạt hành chính và truy tố trách nhiệm hình sự nhằm cụ thể hoá và đảm bảo sự tương thích và nhất quán của pháp luật về người khuyết tật.

- Cần rà soát các quy định về tổ tụng hiện hành trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật tiếp cận các cơ quan tư pháp một cách dễ dàng. Bổ sung các quy định về việc ưu tiên bố trí phòng xử án thuận tiện cho người khuyết tật; quy định hỗ trợ cho người khuyết tật trong việc di chuyển đến các cơ quan tư pháp khi có yêu cầu; quy định về quyền được có sự tham gia của người hỗ trợ khi cần thiết giúp việc giao tiếp giữa người khuyết tật và Tòa án, các cơ quan thực thi pháp luật được rõ ràng để bảo đảm sự tham gia vào các quy trình pháp lý của người khuyết tật được an toàn, công bằng và hiệu quả.

- Cần nhắc xây dựng phiên toà dành riêng cho đối tượng là người khuyết tật hoặc ít nhất đảm bảo trong số Hội thẩm nhân dân tham gia phiên toà có một Hội thẩm nhân dân là người khuyết tật cùng dạng với đương sự hoặc là người có kiến thức chuyên môn sâu sắc về dạng khuyết tật đó tham gia phiên toà để tăng tính tương tác giữa Hội đồng xét xử và đương sự nhằm hướng đến quá trình xét xử công bằng, hiệu quả.

- Cần ban hành quy định về tiêu chí của phiên dịch viên cho người khuyết tật nghe, nói và khuyết tật nhìn; về vấn đề đào tạo và cấp bằng, chứng chỉ dành cho phiên dịch viên cho người khuyết tật đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của việc phiên dịch và giúp việc tham gia vào quá trình tố tụng của người phiên dịch được diễn ra dễ dàng hơn.

- Cần bổ sung quy định về hình thức thông báo nội dung của các văn bản tố

tung dành cho người khuyết tật như thông tin được thể hiện bằng các phương pháp khác nhau như: ngôn ngữ ký hiệu, chữ nổi, truyền tải nội dung bằng video và âm thanh, các website thiết kế dành cho người khuyết tật có thể truy cập được. Ngoài ra, cần bổ sung quy định về việc hỗ trợ người khuyết tật để có thể hiểu được nội dung thông báo và thông tin bằng cách hỗ trợ thông dịch viên, hướng dẫn viên và các hình thức hỗ trợ khác.

- Cần mở rộng phạm vi người được trợ giúp pháp lý là tất cả người khuyết tật chứ không chỉ người khuyết tật có khó khăn về tài chính. Ngoài ra, luật cần quy định chi tiết về cơ chế trợ giúp pháp lý cho từng dạng và mức độ khuyết tật theo quy định tại Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Luật Người khuyết tật năm 2010.

Thứ hai, bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật:

- Với tư cách là thành viên của Công ước về Quyền của người khuyết tật, Việt Nam cần thực hiện tốt nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo vệ quyền của người khuyết tật nói chung và quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật nói riêng được quy định trong Công ước, đồng thời thực hiện tốt Các nguyên tắc và hướng dẫn quốc tế về tiếp cận công lý cho người khuyết tật [25].

- Cơ quan quản lý nhà nước xây dựng và thực hiện các luật, quy định, chính sách, hướng dẫn và đảm bảo nguồn lực tài chính để xây dựng một hệ thống tư pháp thân thiện, có thể tiếp cận dễ dàng về mặt vật lý cho người khuyết tật tại Tòa án, cơ sở cảnh sát, nhà tù, cơ sở giam giữ, cơ quan hành chính và những nơi khác như lối đi dành cho người khuyết tật nhìn, người ngồi xa lãn; bảo đảm bố trí phòng xử án tại tầng trệt dành cho người khuyết tật; các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, căn tin, văn

phòng... cũng được thiết kế có tính đến sự tiện lợi dành cho người khuyết tật.

- Cơ quan tiến hành tố tụng đảm bảo luôn có sự có mặt của người phiên dịch, người hỗ trợ đối với người khuyết tật trong các quá trình điều tra, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, đối thoại... để có thể phiên dịch chính xác và hiệu quả những gì người khuyết tật muốn truyền đạt với một thái độ khách quan, vô tư và đúng sự thật.

- Triển khai áp dụng phổ biến Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật và Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật của Bộ Giáo dục và Đào tạo để có cách sử dụng và phiên dịch ngôn ngữ một cách thống nhất trong cộng đồng người khuyết tật và phiên dịch viên.

- Gia tăng số lượng của các Trung tâm Trợ giúp pháp lý trên phạm vi cả nước đặc biệt là vùng núi và nông thôn, đảm bảo mọi người khuyết tật đều có thể tiếp cận với dịch vụ trợ giúp pháp lý và giúp dịch vụ trợ giúp pháp lý trở nên phổ biến và quen thuộc hơn đối với người khuyết tật ở cách xa trung tâm.

Thứ ba, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về người khuyết tật gắn với việc tổ chức thực hiện có hiệu quả mà trọng tâm là Luật Người khuyết tật và Công ước về Quyền của người khuyết tật. Nâng cao nhận thức cho người khuyết tật và gia đình họ, những người làm việc trong lĩnh vực tư pháp, luật sư... bằng các chiến dịch truyền thông và các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức.

Thứ tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đảm bảo những nguồn lực cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm tăng cường thúc đẩy và bảo vệ quyền của người khuyết tật đặc biệt là quyền tiếp cận công lý của họ. Kịp thời phát

hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm trong thực hiện bảo đảm quyền của người khuyết tật đặc biệt là quyền tiếp cận công lý. Đồng thời, phát huy vai trò tự giám sát của người khuyết tật và các tổ chức đại diện của họ bao gồm nhiệm vụ chủ động giám sát và xác định các hành vi vi phạm quyền của người khuyết tật và báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm.

Tóm lại, quyền tiếp cận công lý của người khuyết tật vừa là mục tiêu vừa là công cụ quan trọng trong việc giúp người khuyết tật được hoà nhập vào xã hội một cách trọn vẹn, an toàn và bình đẳng. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế như hiện nay, vấn đề bảo đảm quyền tiếp cận công lý của

người khuyết tật cần nhận được sự quan tâm đúng mức từ phía Nhà nước và xã hội nhằm bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của nhóm người yếu thế này. Pháp luật Việt Nam với những nỗ lực trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân đối với những người yếu thế trong xã hội mà cụ thể là người khuyết tật phù hợp với các văn bản pháp luật quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã giúp Việt Nam ngày càng khẳng định được tiếng nói của mình trên trường quốc tế và bắt kịp xu hướng chung của thời đại. Đồng thời, điều này góp phần tạo dựng một nền pháp luật mang đậm tính nhân quyền, công bằng và lẽ phải. Từ đó, xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam văn minh, tiến bộ và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua 10/12/1948.
- [2] Tổng cục Thống kê, “Báo cáo Điều tra Quốc gia người khuyết tật năm 2016”, <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2019/03/Baocao-nguoi-khuyet-tat-1.pdf>, tham khảo ngày 16/8/2021.
- [3] Điều 1 Công ước về Quyền của người khuyết tật được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 13/12/2006, có hiệu lực vào ngày 03/05/2008, Việt Nam phê chuẩn ngày 22/10/2007.
- [4] Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội, 2003, tr.208.
- [5] Vũ Công Giao và Hoàng Thị Bích Ngọc, “Bảo vệ công lý trong cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay”, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchiti-et.aspx?tintucid=210693>, tham khảo ngày 16/8/2021.
- [6] Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua 10/12/1948.
- [7] Điều 14, Điều 15, Điều 16 Công ước về các Quyền dân sự và chính trị được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 16/12/1966, có hiệu lực ngày 23/3/1976, Việt Nam phê chuẩn ngày 24/9/1982.
- [8] Điều 12, Điều 13 Công ước về Quyền của người khuyết tật được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 13/12/2006, có hiệu lực vào ngày 03/05/2008, Việt Nam phê chuẩn ngày 22/10/2007.
- [9] Điều 16 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- [10] Điều 5 Công ước về Quyền của người khuyết tật được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 13/12/2006, có hiệu lực vào ngày 03/05/2008, Việt Nam phê chuẩn ngày 22/10/2007.
- [11] Điều 6, Điều 7 Công ước về Quyền của người khuyết tật được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 13/12/2006, có hiệu lực vào ngày

- 03/05/2008, Việt Nam phê chuẩn ngày 22/10/2007.
- [12] Điều 70, Điều 171, Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- [13] Điều 286 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.
- [14] Điều 415 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.
- [15] Nghị quyết số 67/187 ngày 20/12/2012 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc về Nguyên tắc và những hướng dẫn về tiếp cận Trợ giúp pháp lý trong hệ thống tư pháp hình sự.
- [16] Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.
- [17] Liên hợp quốc, “Tiếp cận sớm trợ giúp pháp lý trong quá trình tố tụng hình sự: Sổ tay cho các nhà hoạch định chính sách và các nhà thực tiễn”, https://www.unodc.org/documents/justice-and-prison-reform/Early_access_to_legal_aid_Viet_final.pdf, tham khảo ngày 22/01/2022.
- [18] Điều 31 Hiến pháp năm 2013.
- [19] Điều 15 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- [20] Nguyễn Đăng Dung, Tòa án Việt Nam trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2012.
- [21] United nations enable, "Employment of persons with disabilities", www.un.org/disabilities/documents/tolaction/employmentfs.pdf, tham khảo ngày 23/01/2022.
- [22] Căn cứ các quy định về tiêu chuẩn Thẩm phán theo Điều 67 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, tiêu chuẩn chung của Kiểm sát viên theo Điều 75 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, tiêu chuẩn Luật sư theo Điều 10.
- [23] Luật Luật sư năm 2015, tiêu chuẩn Trợ giúp viên pháp lý theo Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, v.v.
- [24] Tổng cục Thống kê, “Báo cáo Điều tra Quốc gia người khuyết tật năm 2016”, <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2019/03/Baocao-nguoiKhuyet-tat-1.pdf>, tham khảo ngày 16/8/2021.
- [25] ILO: Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp: mô tả chung và cơ sở phân biệt đối xử, https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Instructionmaterials/WCMS_689149/lang--vi/index.htm, tham khảo ngày 15/8/2021.
- [26] International Principles and Guidelines on Access to Justice for Persons with Disabilities, <https://www.un.org/development/desa/disabilities/wp-content/uploads/sites/15/2020/10/Access-to-Justice-EN.pdf>, tham khảo ngày 16/8/2021.

Ngày nhận bài: 19/3/2022

Ngày hoàn thành sửa bài: 11/6/2022

Ngày chấp nhận đăng: 15/6/2022